

THUY ĐIỂN VỚI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Lê Văn Phong

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Nói đến những nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngoài sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, v.v..., chúng ta không thể không nhắc tới sự ủng hộ, giúp đỡ của bè bạn quốc tế. Ngoài những nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) luôn kề vai, sát cánh với nhân dân Việt Nam, thì sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước phương Tây, đặc biệt là sự ủng hộ, giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển¹ đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng.

Thế chân Pháp nhảy vào xâm lược Việt Nam, ngay từ đầu cuộc chiến, đế quốc Mỹ đã sử dụng những chiến lược chiến tranh tàn bạo nhất trong lịch sử loài người hòng dìm cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong bể máu. Tuy nhiên, *lúa thừ vàng, gian nan thừ sức*, trong gian khổ, khó khăn, bản lĩnh và trí tuệ

của nhân dân Việt Nam lại được khẳng định hơn bao giờ hết. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta từng bước làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù. Đặc biệt, với chiến lược *tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bè bạn quốc tế* cho cuộc kháng chiến, đến những năm 1960 của thế kỉ XX, dưới nhiều hình thức khác nhau, nhân dân Việt Nam được nhân dân thế giới ủng hộ mạnh mẽ.

Tại Thụy Điển, năm 1965², hàng triệu người thuộc mọi đảng phái, tầng lớp xã hội khác nhau đã có những hành động phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ, đặc biệt là việc mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc XHCN của chính quyền Oasinhton. Từ đây cho đến kết thúc cuộc chiến, phong trào chống chiến tranh Việt Nam, đoàn kết ủng hộ Việt Nam với tên gọi *phong trào Việt Nam* từng bước được hình thành, phát triển từ tự phát đến có tổ

¹ Thụy Điển là nước nằm ở Bắc Âu, có diện tích 449.964 km²; dân số 9.059.650 người (2008); Là một trong số các nước có mức sống cao nhất thế giới.

² Đây là năm đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" đối với chiến trường miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với miền Bắc.

chức, từ một vài địa phương nhanh chóng lan ra khắp đất nước Thụy Điển.

Không chỉ đối theo cuộc chiến tranh phi nghĩa mà đế quốc Mỹ gây ra đối với dân tộc Việt Nam. Chính phủ Thụy Điển còn bày tỏ sự quan ngại về khả năng mở rộng chiến tranh sẽ làm ảnh hưởng tới cộng đồng quốc tế. do vậy, những nhà lãnh đạo Thụy Điển kêu gọi giải quyết chiến tranh Việt Nam thông qua đàm phán. Ngày 14.2.1966, Bộ trưởng Ngoại giao Thụy Điển phát biểu: "Mối nguy hiểm ngày càng rõ ràng là hiện nay chiến tranh Việt Nam có thể mở rộng thành một cuộc xung đột quốc tế nghiêm trọng hơn nhiều. Đặc biệt là tình hình Việt Nam có thể châm ngòi cho một cuộc bùng nổ thế giới. Do vậy, Chính phủ Thụy Điển đã ủng hộ dư luận quốc tế kêu gọi đàm phán"⁵. Theo thời gian, sự ủng hộ của Thụy Điển đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng mạnh mẽ, từ chỗ kêu gọi hai bên Mỹ và Việt Nam cùng nhân nhượng, giải quyết cuộc chiến thông qua đàm phán, từ năm 1967 trở đi đã chuyển sang ủng hộ Việt Nam với nhiều hành động tích cực.

Sang năm 1968, sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, "phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi rút hết quân đội về nước của nhân dân dậy lên khắp nước Mỹ..."⁶ đã lôi cuốn đông đảo nhân dân thế giới hưởng ứng. Ở Thụy Điển,

phong trào phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam đã tác động sâu sắc tới mọi hoạt động chính trị - xã hội của nước này. Ủng hộ quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, ngày 18/2/1968, Bộ trưởng Ngoại giao Thụy Điển khẳng định: "... nhân dân Việt Nam phải có cơ hội quyết định công việc nội bộ của mình. Chúng ta cũng tán thành mục tiêu đó. Điều đó chỉ có thể đạt được nếu mọi lực lượng quân sự nước ngoài chấm dứt can thiệp. Cần phải tiếp tục nỗ lực để chấm dứt bộ máy chiến tranh, tiếp đến là làm bộ máy đó rút khỏi Việt Nam và cuối cùng để cho nhân dân Việt Nam có cơ hội xây dựng đất nước bị tàn phá của họ"⁵. Ngày 21/3/1968, đại diện Chính phủ Thụy Điển tuyên bố: "Đối với cuộc xung đột ở Việt Nam, Chính phủ đi theo quan điểm của đa số công chúng Thụy Điển..."⁶. Những tuyên bố trên không chỉ khẳng định lập trường, quan điểm và thái độ của Chính phủ Thụy Điển đối với vấn đề chiến tranh Việt Nam, mà còn là hiện thực hoá đường lối đối ngoại của Thụy Điển, được Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Quốc hội Thụy Điển khẳng định ngày 19/11/1968 là: "Trong những năm qua, chính sách đối ngoại của Thụy Điển ngày càng coi trọng nguyên tắc đoàn kết với các dân tộc và coi đó là một trong những đường lối chỉ đạo.

⁵ Văn kiện về Thụy Điển năm 1968, tr.121.

⁶ Tuyên bố của Chính phủ Thụy Điển tại Riikspolisstyrelsen ngày 21.3.1968. Xem trong: Janet G.Hankin, *Sweden and Vietnam: Perception: A Case Study of Swedish Recognition in International Political Science*. (Stockholm, 1985).

³ Văn kiện về Thụy Điển năm 1966, tr.10.

⁴ Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2001, tr.221.

*Chính sách đoàn kết với các dân tộc được dư luận Thụy Điển nhất trí ủng hộ*⁷.

Chính kiến của Chính phủ Thụy Điển giai đoạn này đã tác động sâu sắc tới cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các quốc gia Tây Âu, giúp họ nhận thấy cuộc chiến tranh chống Mỹ mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành là cuộc chiến đấu tiêu biểu cho chính nghĩa chống phi nghĩa, văn minh chống bạo tàn. “*Ủng hộ Việt Nam là ủng hộ những người chiến đấu bảo vệ những giá trị nhân văn của loài người, bảo vệ những tư tưởng tiến bộ của thời đại*”⁸. Vì lẽ đó, ở nhiều nước, hai tiếng Việt Nam - Hồ Chí Minh trở thành khẩu hiệu tập hợp nhiều tầng lớp nhân dân khác nhau đoàn kết với Việt Nam. Nhiều nhà cầm quyền các nước có chế độ chính trị - xã hội khác với nước ta, nhiều lãnh tụ các tổ chức quốc gia, quốc tế, các tổ chức tôn giáo, xã hội, nhiều chính giới, nhân sĩ, trí thức có tên tuổi đã bằng những hình thức khác nhau tham gia đoàn kết với Việt Nam. Có thể nói, cùng với những thắng lợi về quân sự, chính trị, sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân thế giới trong đó có Chính phủ và nhân dân Thụy Điển đã góp phần làm thất bại chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Đối với chính quyền Mỹ, mặc dù thất bại trong chiến lược *chiến tranh cục bộ*, nhưng mục tiêu trước mắt và lâu dài đối với cách mạng Việt Nam của Nhà Trắng thì không hề thay đổi. Đầu năm 1969, ngay khi thắng cử, Tổng thống Níchxon đã cho ra đời học thuyết mang tên mình - *Học thuyết Níchxon*⁹ và tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Với học thuyết này, Níchxon mưu toan khôi phục lại sức mạnh của Mỹ, cố giữ vai trò “sen đầm quốc tế”, vai trò lãnh đạo “thế giới tự do” và cố bám lấy những lợi ích đế quốc chủ nghĩa trên thế giới.

Trước chiến lược chiến tranh mới của kẻ thù, Đảng ta chủ trương tiếp tục lãnh đạo toàn quân và toàn dân đẩy mạnh tiến công địch trên chiến trường, đồng thời tăng cường hoạt động quốc tế, ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ ngày càng cao của các nước XHCN, các chính phủ và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới. Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 4.1969 một lần nữa khẳng định: “*Tiến công ngoại giao là một mặt trận tiến công quan trọng và có ý nghĩa chiến lược lúc này. Nó có nhiệm vụ phát huy thế thắng và thế chủ động của ta, tiến công một*

⁷ *Văn kiện về Thụy Điển năm 1968*, tr.264.

⁸ Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.256-257.

⁹ Học thuyết Níchxon được vận dụng cụ thể trong những chiến lược chiến tranh ở từng nước. Ở Việt Nam, đó là chiến lược “*Việt Nam hoá chiến tranh*”; ở Lào là “*Lào hoá chiến tranh*”; ở Campuchia là “*Khmer hoá chiến tranh*” và trên toàn Đông Dương là “*Đông Dương hoá chiến tranh*”.

*kẻ địch đang thất bại, bị động về mọi mặt và phải xuống thang...*¹⁰.

Thực hiện chủ trương này, phối hợp với cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán Pari, Đảng, Quốc hội. Chính phủ Việt Nam ra sức tăng cường các hoạt động quốc tế. Kết quả là, kể từ năm 1965 đến 1970. Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà đã đặt hoặc nâng quan hệ ngoại giao lên với 18 quốc gia. Đến năm 1970, số đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được mời thăm các nước trên thế giới lên tới gần 120 lượt; đã có 10 Ủy ban Quốc tế đoàn kết với Việt Nam, hơn 100 Ủy ban Quốc tế đoàn kết với Việt Nam ở từng nước, hơn 20 Ủy ban Điều tra và Tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ tại Việt Nam được thành lập. Cũng từ đây, *"Việt Nam đã trở thành hiện thân của một sự nghiệp quốc tế mới... và nó tượng trưng cho một phong trào thế giới rộng lớn và nhiều mặt với một lý tưởng trong sáng mà hàng triệu, hàng triệu không kể xiết nhân dân đã hưởng ứng và tập hợp quanh nó"*¹¹.

Đối với Thụy Điển, khẳng định sự ủng hộ toàn diện đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, tháng 6.1970, Chính

phủ Thụy Điển lập Đại sứ quán ở Hà Nội, và đến tháng 7 cùng năm, Việt Nam lập Đại sứ quán ở Stockholm. Đây là dấu mốc đặc biệt quan trọng trong quan hệ Việt Nam – Thụy Điển, khẳng định tình đoàn kết không gì lay chuyển được của Chính phủ và nhân dân hai nước trong những năm kháng chiến gian khổ. Không những vậy, trong thời điểm cuộc đàm phán trên bàn Hội nghị Pari đang diễn ra vô cùng gay go, phức tạp, Thụy Điển đã lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam. Tháng 2/1972, Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển đã nêu sáng kiến ra *Tuyên bố chung* của tất cả năm Đảng tại Quốc hội, đòi Mỹ chấm dứt ném bom và kí Hiệp định Pari. Bản tuyên bố thu được 3,5 triệu chữ kí ủng hộ của nhân dân Thụy Điển¹².

Sau thắng lợi trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, được sự giúp đỡ tích cực của phía Thụy Điển, ngày 29/3/1973, tại thủ đô Stockholm đã diễn ra Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam, đòi Mỹ, ngưng quyền Sài Gòn thi hành nghiêm chỉnh và triệt để Hiệp định Pari về Việt Nam. Tiếp đó, ngày 19/1/1974, nhóm *Mặt trận Dân tộc Giải phóng* và nhóm *Triết học Tre* phối hợp với nhiều tổ chức khác ở Thụy Điển đã tổ chức một cuộc hội thảo lớn với 500 người tham dự tại Stockholm nhân một năm kỉ kết Hiệp định Pari về Việt Nam. Cuộc hội thảo thông qua Nghị quyết lên án chính quyền Sài

¹⁰ Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập 11, Thắng Mỹ trên chiến trường ba nước Đông Dương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.196.

¹¹ *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.288.

¹² Ngày 27/1/1973, không còn con đường nào khác, đế quốc Mỹ buộc phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Gòn vì phạm Hiệp định Pari; đòi phải trả tự do ngay cho 20 vạn tù chính trị đang bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam. đòi Mỹ phải tôn trọng mọi điều khoản của Hiệp định Pari, chấm dứt can thiệp vào miền Nam Việt Nam...

Vào những năm cuối cuộc kháng chiến, để tranh thủ sự ủng hộ tích cực của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển cho Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam sang thăm Thụy Điển. Trong buổi chiêu đãi chào mừng Đoàn tại thủ đô Stockholm ngày 9/4/1974, Thủ tướng Olof Palme phát biểu: *"Thụy Điển ủng hộ những đề nghị do Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vừa đưa ra. Những đề nghị đó tạo ra một cơ sở vững chắc để thi hành các điều khoản của Hiệp định Pari về Việt Nam"*. Thủ tướng Olof Palme bày tỏ lòng khâm phục của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển đối với nhân dân Việt Nam. *"một dân tộc, bằng lòng dũng cảm và sự kiên cường của mình, đã dẫn dắt cả một thế giới tiến lên trên con đường của lương tâm chính trị"*. Cảm tạ tấm lòng của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển dành cho nhân dân Việt Nam, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: *"... Thay mặt nhân dân Việt Nam và thể theo lòng mong muốn cao cả mà Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi đã bày tỏ trong "Di chúc" của Người, tôi xin cảm ơn Chính phủ Hoàng gia Thụy Điển, các tổ chức chính trị, tôn giáo, quần chúng và cá nhân Ngài Thủ tướng. Cảm ơn về tất cả*

*những gì mà các bạn đã làm để ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ. cứu nước của chúng tôi, cảm ơn tất cả những gì mà các bạn đang tiếp tục làm để ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng tôi đòi thi hành triệt để Hiệp định Pari và xây dựng lại đất nước chúng tôi. Chúng tôi đánh giá cao giá trị và toàn bộ ý nghĩa của sự ủng hộ quý báu này... Dự luận Việt Nam hoan nghênh với lòng biết ơn mọi quyết định của Thụy Điển nhằm giúp đỡ Việt Nam hàn gắn lại vết thương chiến tranh và góp phần phát triển nền kinh tế của mình"*¹³.

Sau chuyến thăm này, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Mỹ nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari về Việt Nam tiếp tục là chủ đề nóng bỏng trong mọi hoạt động của xã hội Thụy Điển. Ngày 14/12/1974, tại Stockholm, Thủ tướng Olof Palme và những người lãnh đạo Đảng Cộng sản và một số đảng cánh tả khác đã ra một *Thông cáo chung* tố cáo bè lũ Nguyễn Văn Thiệu phá hoại Hiệp định Pari. Sau khi nhấn mạnh rằng chế độ Sài Gòn và những người ủng hộ họ phải chịu trách nhiệm về tình hình hiện nay ở miền Nam Việt Nam, *Thông cáo chung* đòi Mỹ - Thiệu nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari, lập lại hoà bình ở miền Nam Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhân dân miền Nam Việt Nam, và cho biết Thụy Điển sẽ tổ chức một cuộc biểu tình quần chúng rộng lớn vào ngày 27/1/1975, nhân kỉ niệm hai năm ngày kí Hiệp định Pari

¹³ Báo Nhân dân các ngày 10, 11, 12 tháng 4 năm 1974. ...

để ủng hộ nhân dân Việt Nam. v.v... Tình cảm mà Chính phủ và nhân dân Thụy Điển dành cho nhân dân Việt Nam là sự cổ vũ, động viên to lớn giúp nhân dân Việt Nam tiến lên hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm tháng đi qua, ngẫm suy lại sự ủng hộ, giúp đỡ của Thụy Điển đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Thủ tướng Olof Palme¹⁴ để lại cho chúng ta nhiều tình cảm sâu đậm.

Olof Palme sinh năm 1937, xuất thân trong một gia đình trí thức nổi tiếng. Năm 1949, sau khi tốt nghiệp đại học ở Mỹ, ông trở về Thụy Điển học tiếp ngành luật tại Stockholm và nhanh chóng trở thành một thủ lĩnh khi tham gia các hoạt động chính trị trong Hội Liên hiệp sinh viên Quốc gia Thụy Điển (SIV). Năm 1957, Olof Palme được bầu làm đại biểu Quốc hội Thụy Điển của Đảng Xã hội Dân chủ.

Kể từ khi trở thành Nghị sĩ Quốc hội, Olof Palme đặc biệt quan tâm đến cuộc chiến tranh Việt Nam. Thông qua các phương tiện khác nhau, ông thường xuyên theo dõi và có những hành động ủng hộ tích cực. Năm 1965, khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc

Việt Nam, Olof Palme cùng những nhà lãnh đạo Thụy Điển đã có nhiều cuộc bàn luận công khai về vấn đề Việt Nam. Thấu hiểu nỗi khổ mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng trong cuộc chiến, phát biểu tại Đại Hội Đảng Xã hội - Thiên Chúa giáo tại Gavle ngày 30/7/1965, Olof Palme nói: "*Tôi không biết liệu người nông dân trong các xóm làng của Việt Nam, đất nước mà gần đây tôi luôn đề cập, có giấc mơ nào về tương lai hay không? Người ta có cảm giác về sự tuyệt vọng, cam chịu, mong lung và thất vọng trong cuộc đấu tranh giành quyền lực chính trị đang ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của họ. Nếu thực sự họ có một giấc mơ cho tương lai, có lẽ đó sẽ là một giấc mơ hết sức đơn giản: hoà bình, không đòi hỏi và tôn trọng nhân phẩm...*"¹⁵.

Với tấm chân tình đó, cho dù đang nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Chính phủ, nhưng Olof Palme luôn có tư tưởng và hành động mạnh mẽ ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam. Ngày 21/2/1968, trên cương vị là Bộ trưởng Giáo dục, ông cùng Đại sứ Việt Nam Nguyễn Thọ Chân dẫn đầu đoàn biểu tình rước đuốc qua các đường phố trung tâm ở thủ đô Stockholm để phản đối chính quyền Mỹ. Bức ảnh cuộc tuần hành ngay sau đó được đăng trên nhiều tờ báo khắp thế giới và chính thức đặt Olof

¹⁴ Olof Palme từng lãnh đạo Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển từ năm 1969 tới ngày bị ám sát 28/2/1986. Từng hai lần làm Thủ tướng: lần thứ nhất từ 1969 đến 1976; lần thứ hai từ 1982 đến 1986. Với những gì làm được, Olof Palme được xem là một trong những người Thụy Điển nổi tiếng nhất thế kỉ XX.

¹⁵ Phát biểu tại Đại Hội Đảng Xã hội - Thiên chúa giáo tại Gavle ngày 30/7/1965. *Lần kiện về Thụy Điển năm 1965*, tr.49.

Palme cũng như Chính phủ Thụy Điển vào thế đối đầu với nhà cầm quyền Mỹ. Đại sứ Mỹ lúc đó đã gặp Thủ tướng và Bộ trưởng Ngoại giao Thụy Điển để phân đôi. Bà Lisbeth Palme - vợ của Cố Thủ tướng Olof Palme kể lại: "*Kissinger đã nói rằng, chồng tôi đã sử dụng những từ ngữ quá mạnh để chỉ trích Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, và cho rằng đáng lẽ ra chồng tôi không nên làm như vậy. Nhưng tôi lại nghĩ là những từ ngữ mạnh như vậy là hoàn toàn cần thiết. Không có từ ngữ nào đủ mạnh để có thể so sánh với những gì mà Mỹ đã làm trong chiến tranh Việt Nam*"¹⁶.

Do khẳng định được uy tín của mình trước nhân dân và chính giới Thụy Điển, tháng 10/1968, Olof Palme chính thức trở thành Thủ tướng Thụy Điển. Từ đây, sự ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam được Thủ tướng Olof Palme triển khai mạnh mẽ hơn. Ngày 10/1/1969, thực hiện chủ trương của Chính phủ Thụy Điển, Ngoại trưởng Torsten Nilsson gửi điện cho Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh thông báo việc Chính phủ Thụy Điển chính thức công nhận và đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao, mở đại sứ quán tại thủ đô hai nước. Do chênh lệch múi giờ 6 tiếng, ngày 11/1/1969, Bộ trưởng

Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh nhận được đề nghị của Ngoại trưởng Thụy Điển và hai nước chính thức công nhận ngoại giao lẫn nhau. Từ đó, ngày 11/1, trở thành ngày kỉ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Thụy Điển. Cũng từ năm 1969, Chính phủ Thụy Điển chính thức viện trợ cho Việt Nam (ODA), góp phần giảm bớt sự khó khăn về vật chất cho nhân dân Việt Nam.

Sang năm 1972, sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, đặc biệt, để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mỹ đưa ra trên bàn đàm phán Pari, chính quyền Mỹ đã mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, gây ra một trong những thảm cảnh đau lòng nhất trong lịch sử loài người. Trước hành động bạo tàn đó, ngày 23/12/1972, Thủ tướng Olof Palme lên án và so sánh cuộc ném bom như tội ác của Hitle trong Đại chiến thế giới thứ Hai. Sau bản tuyên bố của Olof Palme, quan hệ giữa Mỹ và Thụy Điển trở nên căng thẳng hơn, khiến Mỹ triệu hồi đại sứ về nước trong 14 tháng và không chấp thuận đại sứ mới của Thụy Điển. Tiếp đó, trong hai năm 1973 - 1974, Mỹ từ chối khôi phục quan hệ cấp đại sứ với Thụy Điển vì chính sách Việt Nam của Chính phủ Thụy Điển. Đây là cuộc

16

khủng hoảng ngoại giao nghiêm trọng nhất mà Thụy Điển trải qua từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Nhưng ngược lại, Olof Palme nhận được 1.200 bức thư tán thành, cảm ơn từ Mỹ và được dư luận thế giới đánh giá cao. Với tất cả những gì làm được, Thủ tướng Olof Palme đã thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình trong vấn đề Việt Nam. Lập trường và quan điểm của ông đã tác động tích cực, thúc đẩy phong trào chống chiến tranh Việt Nam tại phương Tây và tới các quan điểm của các đảng xã hội dân chủ trên thế giới.

Như vậy, sự ủng hộ, giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển đã để lại nhiều trang đậm nét trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Chính tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến đã lôi cuốn đông đảo mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội Thụy Điển tham gia, đặc biệt là vai trò của Chính phủ do Olof Palme làm Thủ tướng. Cùng với sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân thế giới, sự ủng hộ, giúp đỡ của Thụy Điển là một trong những nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Hơn hết, nó minh chứng đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Lao động Việt Nam trong những thời đoạn quan trọng của lịch sử dân tộc. "*Đảng ta đã ra sức*

tăng cường đoàn kết quốc tế, phát huy tối đa sức mạnh của thời đại, và coi đó là một bộ phận hợp thành của đường lối chống Mỹ, cứu nước và đặt hoạt động đối ngoại, đấu tranh ngoại giao thành một mặt trận có tầm quan trọng chiến lược, góp phần tạo nên sự vượt trội về thể và lực để nhân dân ta đánh thắng kẻ thù"¹⁷.

Theo dòng chảy của thời gian, hiện nay trên thế giới đã và đang diễn ra những biến động chính trị to lớn, khó lường, gây tổn thất chưa từng có cho lực lượng cách mạng, đem lại lợi thế cho các thế lực phản cách mạng, đặt mỗi nước trước cơ hội và thách thức mới. Trong bối cảnh đó, bài học về *tranh thu sự ủng hộ, giúp đỡ của bè bạn quốc tế, phát huy sức mạnh thời đại* trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta cần được nghiên cứu và vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với tình hình thế giới hiện nay, để thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại rộng mở "*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới*", nhằm phục vụ tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới của Đảng ta.

¹⁷ Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995, tr.247- 248.